

DANH MỤC BAN HÀNH GIÁ THU DỊCH VỤ THEO YÊU CẦU

(Kèm theo Quyết định số 1228/QĐ-BVPS ngày 31 tháng 12 năm 2024)

| STT | Tên dịch vụ                                                                                                              | Giá thu                                                     |                         | Ghi chú                                            |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------|----------------------------------------------------|
| I   | Khám bệnh và ngày giường điều trị theo yêu cầu                                                                           |                                                             |                         |                                                    |
| 1   | Khám bệnh Yêu cầu                                                                                                        |                                                             | 150.000                 |                                                    |
| II  | Giường điều trị nội trú theo yêu cầu                                                                                     |                                                             |                         |                                                    |
| 1   | Giường bệnh theo yêu cầu (phòng đơn - 01 bệnh nhân)                                                                      |                                                             | 1.200.000               | Khu Chất lượng cao (Có nhà vệ sinh khép kín)       |
| 2   | Giường bệnh theo yêu cầu (phòng đôi - 02 bệnh nhân)                                                                      |                                                             | 1.000.000               | Khu Chất lượng cao (Có nhà vệ sinh khép kín)       |
| 3   | Giường bệnh theo yêu cầu (phòng đơn - 01 bệnh nhân)                                                                      |                                                             | 1.000.000               | Khu Chất lượng cao (Không có nhà vệ sinh khép kín) |
| 4   | Giường bệnh theo yêu cầu (phòng to - 04 bệnh nhân)                                                                       |                                                             | 800.000                 | Khu Chất lượng cao (Không có nhà vệ sinh khép kín) |
| 5   | Giường bệnh theo yêu cầu (phòng đơn - 01 bệnh nhân)                                                                      |                                                             | 1.000.000               | Khu Nhà F (Có nhà vệ sinh khép kín)                |
| 6   | Giường bệnh theo yêu cầu (phòng đôi - 02 bệnh nhân)                                                                      |                                                             | 800.000                 | Khu Nhà F (Có nhà vệ sinh khép kín)                |
| 7   | Giường bệnh theo yêu cầu (phòng đơn - 01 bệnh nhân)                                                                      |                                                             | 600.000                 | Khu nhà A, B, C (Không có nhà vệ sinh khép kín)    |
| 8   | Giường bệnh theo yêu cầu (phòng đơn - 01 bệnh nhân)                                                                      |                                                             | 700.000                 | Khoa HTSS (Không có nhà vệ sinh khép kín)          |
| III | Các dịch vụ kỹ thuật phẫu thuật theo yêu cầu                                                                             | Bảng phương pháp gây tê (chưa bao gồm thuốc và oxy sử dụng) | Bảng phương pháp gây mê |                                                    |
| 1   | Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung                                           | 8.932.700                                                   | 9.815.100               | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND      |
| 2   | Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp |                                                             | 12.506.300              | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND      |

*Handwritten signature*

| STT | Tên dịch vụ                                                                                                | Giá thu    |            | Ghi chú                                       |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|------------|-----------------------------------------------|
| 3   | Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...) | 7.268.900  | 8.517.600  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 4   | Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cải răng lược                                                 | 10.223.900 | 11.625.200 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 5   | Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa                |            | 11.104.200 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 6   | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vết hạch chậu                                                  | 8.879.900  | 9.849.100  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 7   | Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn                         | 8.953.300  | 9.836.200  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 8   | Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo                                                                        | 6.396.600  | 7.168.300  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 9   | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối                                                           | 6.036.400  | 6.808.300  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 10  | Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)                                              | 5.829.000  | 6.610.800  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 11  | Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên người bệnh có thai                                 | 5.151.700  | 5.717.800  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 12  | Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp                                             | 5.693.100  | 6.895.200  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 13  | Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên                                                                        | 5.131.000  | 5.876.200  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 14  | Phẫu thuật Crossen                                                                                         | 5.970.500  | 6.744.300  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 15  | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn                                                                   | 6.036.400  | 6.808.300  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 16  | Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần (đường bụng, đường âm đạo)                       |            | 7.982.300  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 17  | Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung                                                                   | 5.413.100  | 6.906.200  | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |

| STT | Tên dịch vụ                                                                                      | Giá thu   |           | Ghi chú                                       |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------|
| 18  | Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai                                      | 5.576.400 | 6.849.400 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 19  | Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)  | 6.078.900 | 7.239.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 20  | Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...) | 6.078.900 | 7.239.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 21  | Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng                             | 5.167.500 | 5.941.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 22  | Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng                | 6.388.600 | 7.221.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 23  | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần                                                          | 5.536.400 | 6.308.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 24  | Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn                                                             | 5.456.900 | 6.142.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 25  | Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung                                                               |           | 5.939.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 26  | Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang                                            |           | 6.697.200 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 27  | Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng                                                       |           | 6.657.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 28  | Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp                                     | 4.538.800 | 5.116.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 29  | Cắt u nang buồng trứng và phần phụ                                                               | 5.151.700 | 5.717.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 30  | Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa                                              | 4.178.500 | 4.754.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 31  | Mổ sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)                                    |           | 4.396.200 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 32  | Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ                                           | 5.151.700 | 5.717.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |

| STT | Tên dịch vụ                                                         | Giá thu   |           | Ghi chú                                       |
|-----|---------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------|
| 33  | Cắt u nang buồng trứng xoắn                                         | 5.151.700 | 5.717.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 34  | Cắt u nang buồng trứng                                              | 5.151.700 | 5.717.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 35  | Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn                               | 3.959.100 | 4.501.900 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 36  | Khâu tử cung do nạo thủng                                           | 4.475.900 | 5.054.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 37  | Phẫu thuật lấy thai lần đầu                                         | 3.773.600 | 4.604.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 38  | Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng | 4.407.800 | 4.949.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 39  | Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung                                 | 5.372.900 | 6.128.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 40  | Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng                       | 5.151.700 | 5.717.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 41  | Khoét chóp cổ tử cung                                               | 3.805.100 | 4.519.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 42  | Phẫu thuật cắt âm vật phì đại                                       | 3.677.000 | 4.392.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 43  | Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)                  | 5.001.900 | 5.730.100 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 44  | Cắt cụt cổ tử cung                                                  | 3.805.100 | 4.519.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 45  | Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung                                | 5.282.400 | 6.094.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 46  | Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn                                 |           | 3.754.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 47  | Khâu rách cùng đồ âm đạo                                            | 3.569.000 | 4.119.400 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |

| STT | Tên dịch vụ                                                                         | Giá thu   |           | Ghi chú                                       |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------|
| 48  | Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa | 4.104.300 | 4.833.400 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 49  | Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn + cắt 2 phần phụ                           |           | 9.346.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 50  | Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ                                    |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 51  | Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng   |           | 9.779.100 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 52  | Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở người bệnh GEU                                 |           | 8.846.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 53  | Phẫu thuật nội soi mở vòi trứng lấy khối chứa ngoài tử cung + tạo hình vòi trứng    |           | 6.568.200 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 54  | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp                                          | 7.655.200 | 8.490.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 55  | Phẫu thuật nội soi GEU thể huyết tụ thành nang                                      |           | 4.934.500 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 56  | Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung                                                 |           | 9.548.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 57  | Phẫu thuật nội soi u nang buồng trứng                                               |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 58  | Phẫu thuật nội soi u buồng trứng trên người bệnh có thai                            |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 59  | Phẫu thuật nội soi ổ bụng lấy dụng cụ tránh thai                                    |           | 7.970.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 60  | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt dính buồng tử cung                             | 7.655.200 | 8.490.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 61  | Phẫu thuật nội soi xử lý viêm phúc mạc tiểu khung                                   |           | 9.779.100 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 62  | Phẫu thuật nội soi viêm phần phụ                                                    |           | 9.779.100 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |

102

| STT | Tên dịch vụ                                                      | Giá thu   |           | Ghi chú                                       |
|-----|------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------|
| 63  | Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản          |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 64  | Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng                        |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 65  | Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn để lại 2 phần phụ       |           | 8.503.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 66  | Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ                         |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 67  | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt u xơ                        | 7.655.200 | 8.490.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 68  | Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ                 |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 69  | Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn                   |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 70  | Cắt u buồng trứng qua nội soi                                    |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 71  | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn                   | 7.655.200 | 8.490.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 72  | Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ                                  |           | 7.186.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 73  | Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung                         |           | 8.021.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 74  | Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ                                  |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 75  | Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ                    |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 76  | Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 77  | Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung                     |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |

| STT | Tên dịch vụ                                                                       | Giá thu   |           | Ghi chú                                       |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------|
| 78  | Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần                                           |           | 9.346.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 79  | Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên người bệnh có thai        |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 80  | Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn                                          |           | 9.346.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 81  | Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)          |           | 8.955.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 82  | Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang                     |           | 8.003.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 83  | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung                         | 7.655.200 | 8.490.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 84  | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung                            | 7.655.200 | 8.490.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 85  | Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi                      |           | 9.375.900 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 86  | Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung                          | 7.655.200 | 8.490.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 87  | Thông vòi tử cung qua nội soi                                                     |           | 4.096.600 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 88  | Nội soi buồng tử cung chẩn đoán                                                   | 3.921.600 | 4.535.700 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 89  | Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung                                         | 5.859.600 | 6.667.800 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| IV  | <b>Các dịch vụ thủ thuật, siêu âm, hỗ trợ sinh sản và xét nghiệm theo yêu cầu</b> |           |           |                                               |
| 1   | Đỡ đẻ ngôi ngược (*)                                                              |           | 3.191.900 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 2   | Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên                                                         |           | 3.510.300 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |

108

| STT | Tên dịch vụ                                                              | Giá thu |           | Ghi chú                                                    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|------------------------------------------------------------|
| 3   | Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm                          |         | 3.287.400 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND              |
| 4   | Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng                |         | 1.682.500 | Đã bao gồm giá theo Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND              |
| 5   | Giảm đau sau phẫu thuật bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng          |         | 1.000.000 | (Chưa bao gồm bộ giảm đau và thuốc giảm đau)               |
| 6   | Đỡ đẻ thường ngôi chỏm                                                   |         | 2.786.700 | Đã bao gồm giá theo quy định tại Nghị Quyết số 596/NQ-HĐND |
| 7   | Phá thai từ tuần thứ 8 đến hết 9 tuần bằng phương pháp hút chân không    |         | 1.400.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 8   | Phá thai từ tuần thứ 10 bằng phương pháp hút chân không                  |         | 1.600.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 9   | Phá thai từ tuần thứ 11 bằng phương pháp hút chân không                  |         | 1.800.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 10  | Phá thai từ tuần thứ 12 bằng phương pháp hút chân không                  |         | 2.000.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 11  | Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết                               |         | 1.000.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 12  | Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không                  |         | 1.200.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 13  | Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22             |         | 2.300.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 14  | Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần                         |         | 800.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 15  | Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18 |         | 2.100.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 16  | Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)                    |         | 150.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 17  | Siêu âm qua thóp                                                         |         | 150.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 18  | Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)                           |         | 150.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 19  | Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh                                          |         | 150.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 20  | Siêu âm màng phổi                                                        |         | 150.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 21  | Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng                               |         | 150.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |
| 22  | Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)                                  |         | 150.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu                           |

| STT | Tên dịch vụ                                                            | Giá thu |            | Ghi chú                          |
|-----|------------------------------------------------------------------------|---------|------------|----------------------------------|
| 23  | Siêu âm Doppler tuyến giáp                                             |         | 150.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 24  | Siêu âm Doppler tử cung phần phụ                                       |         | 150.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 25  | Siêu âm Doppler tuyến vú                                               |         | 150.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 26  | Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên                       |         | 150.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 27  | Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung) |         | 150.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 28  | Siêu âm tim thai qua đường âm đạo                                      |         | 200.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 29  | Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo                           |         | 200.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 30  | Siêu âm 3D/4D thai nhi                                                 |         | 150.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 31  | Siêu âm có chất tương phản                                             |         | 300.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 32  | Chọc ối dưới hướng dẫn của siêu âm                                     |         | 1.600.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 33  | Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm                          |         | 800.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 34  | Tư vấn Hỗ trợ sinh sản                                                 |         | 100.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 35  | Chọc hút noãn                                                          |         | 8.800.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 36  | Tiêm tinh trùng vào bào tương của noãn (ICSI)                          |         | 10.000.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 37  | Đông phôi                                                              |         | 4.500.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 38  | Rã đông phôi, noãn                                                     |         | 4.500.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 39  | Chuyển phôi                                                            |         | 5.700.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 40  | Hỗ trợ phôi thoát màng                                                 |         | 1.000.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 41  | Lọc rửa tinh trùng                                                     |         | 1.200.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 42  | Bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI)                                 |         | 1.600.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 43  | Tinh dịch đồ                                                           |         | 400.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 44  | Rã đông tinh trùng                                                     |         | 500.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 45  | Trữ lạnh phôi, noãn (trứng/tinh trùng/1 năm (tính trên 1 Cassette))    |         | 1.500.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |

| STT | Tên dịch vụ                                                                              | Giá thu |           | Ghi chú                          |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|----------------------------------|
| 46  | Chọc hút tinh hoàn mào tinh hoàn lấy tinh trùng hoặc sinh thiết tinh hoàn, mào tinh hoàn |         | 2.800.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 47  | Phẫu thuật lấy tinh trùng (TESE)                                                         |         | 5.000.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 48  | Giảm thiểu phôi (Giảm thiểu thai)                                                        |         | 3.000.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 49  | Chọc hút dịch nang tồn dư                                                                |         | 2.000.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 50  | Tách dính buồng tử cung                                                                  |         | 1.000.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 51  | Chụp Xquang tử cung vòi trứng                                                            |         | 425.000   | (Chưa bao gồm thuốc cản quang)   |
| 52  | Cấy - tháo thuốc tránh thai                                                              |         | 250.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 53  | Đặt dụng cụ tử cung                                                                      |         | 250.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 54  | Tháo dụng cụ tử cung                                                                     |         | 200.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 55  | Soi cổ tử cung                                                                           |         | 150.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 56  | Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...           |         | 500.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 57  | Khâu vòng cổ tử cung                                                                     |         | 1.800.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 58  | Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung                                                             |         | 170.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 59  | Cắt chỉ                                                                                  |         | 120.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 60  | Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo                                                  |         | 1.300.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 61  | Điều trị sùi mào gà bằng dung dịch Podophyllin                                           |         | 500.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 62  | Thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần (APTT)                                       |         | 80.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 63  | Định lượng yếu tố I (fibrinogen)                                                         |         | 80.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 64  | Thời gian thrombin (TT)                                                                  |         | 80.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 65  | Thời gian Prothrombin (PT,TQ) bằng máy bán tự động, tự động                              |         | 80.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 66  | Định lượng Fibrinogen (Yếu tố I) bằng phương pháp trực tiếp                              |         | 140.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 67  | Anti-HIV (nhanh)                                                                         |         | 70.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 68  | Anti-HCV (nhanh)                                                                         |         | 70.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |

| STT | Tên dịch vụ                                                                                                                           | Giá thu |         | Ghi chú                          |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------|----------------------------------|
| 69  | HBsAg (nhanh)                                                                                                                         |         | 70.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 70  | HBeAg test nhanh                                                                                                                      |         | 80.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 71  | Lao test nhanh                                                                                                                        |         | 80.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 72  | Giang mai test nhanh                                                                                                                  |         | 80.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 73  | Định lượng Tryglyceride hoặc Phospholipid hoặc Lipid toàn phần hoặc Cholesterol toàn phần hoặc HDL-Cholesterol hoặc LDL - Cholesterol |         | 35.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 74  | Calci                                                                                                                                 |         | 30.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 75  | Định lượng Bilirubin toàn phần hoặc trực tiếp; các enzym: phosphataze kiềm hoặc GOT hoặc GPT...                                       |         | 30.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 76  | Định lượng các chất Albumine; Creatine; Globuline; Glucose; Phospho, Protein toàn phần, Ure, Axit Uric, Amylase,...                   |         | 30.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 77  | Phản ứng CRP                                                                                                                          |         | 65.000  | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 78  | FSH                                                                                                                                   |         | 110.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 79  | LH                                                                                                                                    |         | 110.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 80  | Progesteron                                                                                                                           |         | 110.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 81  | Estradiol                                                                                                                             |         | 110.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 82  | Prolactin                                                                                                                             |         | 110.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 83  | Testosteron                                                                                                                           |         | 130.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 84  | Beta - HCG                                                                                                                            |         | 120.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 85  | CA 125                                                                                                                                |         | 200.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 86  | CA 15 - 3                                                                                                                             |         | 210.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 87  | Định lượng AMH                                                                                                                        |         | 800.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 88  | TSH                                                                                                                                   |         | 110.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 89  | T3/FT3/T4/FT4 (1 loại)                                                                                                                |         | 110.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |

| STT      | Tên dịch vụ                                                                             | Giá thu |           | Ghi chú                          |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|----------------------------------|
| 90       | E3 không liên hợp (Unconjugated Estriol)                                                |         | 180.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 91       | Alpha FP (AFP)                                                                          |         | 150.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 92       | Định lượng PAPP-A                                                                       |         | 230.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 93       | Tổng phân tích nước tiểu                                                                |         | 40.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 94       | HCG test nhanh                                                                          |         | 20.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 95       | Tế bào cặn nước tiểu hoặc cặn Adis                                                      |         | 60.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 96       | Vi khuẩn nhuộm soi                                                                      |         | 100.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 97       | Chlamydia test nhanh                                                                    |         | 90.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 98       | Vi khuẩn nuôi cấy định danh phương pháp thông thường                                    |         | 340.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 99       | Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động                                         |         | 450.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 100      | Vi khuẩn/vi nấm kháng thuốc định tính hoặc vi khuẩn/vi nấm kháng thuốc trên máy tự động |         | 370.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 101      | Công thức nhiễm sắc thể (Karyotype) máu ngoại vi                                        |         | 1.000.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 102      | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng máy đếm laser                                   |         | 90.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 103      | Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng máy đếm tự động                                 |         | 60.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 104      | Định nhóm máu hệ ABO bằng phương pháp ống nghiệm; trên phiến đá hoặc trên giấy          |         | 55.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 105      | Định nhóm máu hệ Rh(D) bằng phương pháp ống nghiệm, phiến đá                            |         | 45.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 106      | Huyết đồ (sử dụng máy đếm tự động)                                                      |         | 100.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| <b>V</b> | <b>Các dịch vụ phụ trợ theo yêu cầu</b>                                                 |         |           |                                  |
| 1        | Kỹ thuật hỗ trợ điều trị vết thương sau mổ sản phụ khoa bằng máy Plasma                 |         | 300.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 2        | Kỹ thuật hỗ trợ điều trị cuống rốn sơ sinh bằng máy Plasma                              |         | 200.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 3        | Tắm sơ sinh                                                                             |         | 60.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 4        | Lý liệu pháp phục hồi sàn chậu sau sinh                                                 |         | 150.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |

| STT | Tên dịch vụ                                                    | Giá thu |           | Ghi chú                          |
|-----|----------------------------------------------------------------|---------|-----------|----------------------------------|
| 5   | Chăm sóc rốn sơ sinh                                           |         | 150.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 6   | Hỗ trợ thông tắc tia sữa (Massage vú)                          |         | 200.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 7   | Hỗ trợ thông tắc tia sữa (Massage vú) bằng sóng siêu âm đa tần |         | 300.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 8   | Massage bé                                                     |         | 100.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 9   | Chụp hình khoảnh khắc bé yêu chào đời                          |         | 300.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 10  | Quay video khoảnh khắc bé yêu chào đời                         |         | 1.000.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 11  | Gội đầu cho người bệnh tại giường                              |         | 50.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 12  | Dịch vụ vận chuyển bệnh nhân (Dưới 05 Km)                      |         | 50.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 13  | Dịch vụ vận chuyển bệnh nhân (Từ 06 Km đến 10 Km)              |         | 200.000   | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 14  | Dịch vụ vận chuyển bệnh nhân đi Hà Nội                         |         | 2.900.000 | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |
| 15  | Vòng số mẹ và bé                                               |         | 20.000    | Áp dụng giá Dịch vụ theo yêu cầu |